

BỘ ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT HK1 MÔN SINH 9 NĂM 2018-2019**1. Đề kiểm tra 45 phút HK1 Sinh 9 số 1****TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THÁM****ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT HK1 SINH 9****Năm học 2018- 2019****Môn: Sinh học - Lớp 9****I. Phần Tự Luận (5 điểm)****Câu 1. (2,5 điểm)**

- Làm thế nào để xác định được kiểu gen của cá thể mang tính trạng trội?

Câu 2. (2,5 điểm)

- Tại sao nói phương pháp phân tích các thế hệ lai là phương pháp nghiên cứu độc đáo của Mendel?

II. Phần Trắc Nghiệm (5 điểm)**Câu 1. (2,5 điểm)**

- Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Hiện tượng di truyền là

- A. hiện tượng các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên được truyền đạt cho các thế hệ con cháu.
- B. hiện tượng các tính trạng của cơ thể được sao chép qua các thế hệ
- C. hiện tượng bố mẹ sinh ra con cái mang những đặc điểm giống mình
- D. hiện tượng bố mẹ truyền đạt vật chất di truyền cho con cái

2. Khi lai hai cơ thể bố mẹ thuần chủng và khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì đời con lai F2 phân tính vì

- A. tính trạng trội át tính trạng lặn.
- B. gen trội át hoàn toàn gen lặn.
- C. F2 có cả kiểu gen đồng hợp trội và lặn.
- D. cả B và C.

3. Phép lai nào trong các phép lai sau đây cho tỉ lệ phân tính là 1 : 1?

- A. Aa x aa
- B. AA x Aa

C. Aa x Aa

D. AA x aa

4. Các con có đủ 4 nhóm máu thì bố mẹ có kiểu gen là

A. $I^A I^B \times I^O I^O$

B. $I^A I^O \times I^B I^O$

C. $I^B I^B \times I^A I^O$

D. $I^A I^O \times I^O I^O$

5. Không thể tìm thấy được 2 người có cùng kiểu gen giống hệt nhau trên Trái Đất, ngoại trừ trường hợp sinh đôi cùng trứng vì trong quá trình sinh sản hữu tính

A. tạo ra một số lượng lớn biến dị tổ hợp.

B. các gen có điều kiện tương tác với nhau.

C. dễ tạo ra các biến dị di truyền.

D. ảnh hưởng của môi trường.

Câu 2. (2,5 điểm)

1. Chọn câu đúng câu sai trong các câu sau:

Câu	Đúng	Sai
A. Kết quả của phép lai phân tích giúp xác định được tính trạng là trội hoàn toàn hay không hoàn toàn.		
B. Kết quả của phép lai phân tích giúp xác định được kiểu gen của cơ thể mang tính trạng trội là đồng hợp hay dị hợp.		
C. Kết quả của phép lai phân tích giúp xác định được giống cây trồng, vật nuôi là thuần chủng hay không thuần chủng.		

2. Chọn từ, cụm từ phù hợp trong số các từ, cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau:

Hiện tượng đồng tính ở F1 là hiện tượng các cơ thể lai F1 cùng có một...(1).....Hiện tượng phân tính ở F2 là hiện tượng xuất hiện.....(2).....

A. kiểu gen.

B. kiểu hình.

C. tỉ lệ 3 trội : 1 lặn.

D. cả kiểu hình trội và kiểu hình lặn.

ĐÁP ÁN

I. Phần Tự Luận (5 điểm)

Câu 1. (2,5 điểm)

- Dựa vào kết quả phép lai phân tích có thể xác định kiểu gen của cá thể mang tính trạng trội:

+ Cá thể mang tính trạng trội có kiểu gen đồng hợp nếu kết quả của phép lai là đồng tính.

+ Cá thể mang tính trạng trội có kiểu gen dị hợp nếu kết quả phép lai là phân tính.

- Học sinh có thể nêu ví dụ:

+ Con lai F1 đồng tính:

- P: AA x aa
- GP: A a
- F1: Aa (đồng tính)

+ Con lai F1 (Phân tính)

- P: Aa x aa
- GP: A, a a
- F1: Aa, aa

Câu 2. (2,5 điểm)

Trước Mendel, người ta đã tổ chức những thí nghiệm lai giống động vật và thực vật nhưng chưa thể phát hiện ra quy luật di truyền vì chưa có phương pháp nghiên cứu phù hợp. Lí do là các tác giả đó thường nghiên cứu đồng thời nhiều tính trạng một lúc. Với Mendel, ông đã tách riêng từng cặp tính trạng tương phản và theo dõi riêng rẽ từng cặp tính trạng, nhờ đó ông đã phát hiện ra các quy luật di truyền.

II. Phần Trắc Nghiệm (5 điểm)

Câu 1. (2,5 điểm)

1	2	3	4	5
A	C	A	B	A

1. Hiện tượng di truyền là hiện tượng các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên được truyền đạt cho các thế hệ con cháu.

- Chọn A.

2. Khi lai hai cơ thể bố mẹ thuần chủng và khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì đời con lai F2 phân tính vì F2 có cả kiểu gen đồng hợp trội và lặn.

- Chọn C.

3. Phép lai Aa x aa cho tỉ lệ phân tính là 1 : 1

- Chọn A.

4. Các con có đủ 4 nhóm máu thì bố mẹ có kiểu gen là $I^A I^O \times I^B I^O$

- Chọn B.

5. Không thể tìm thấy được 2 người có cùng kiểu gen giống hệt nhau trên Trái Đất, ngoại trừ trường hợp sinh đôi cùng trứng vì trong quá trình sinh sản hữu tính tạo ra một số lượng lớn biến dị tổ hợp.

- Chọn A.

Câu 2. (2,5 điểm)

1.

A	B	C
S	Đ	Đ

2.

1	2
B	D

- Hiện tượng đồng tính ở F1 là hiện tượng các cơ thể lai F1 cùng có một kiểu hình.
- Hiện tượng phân tính ở F2 là hiện tượng xuất hiện cả kiểu hình trội và kiểu hình lặn.

2. Đề kiểm tra 45 phút HK1 Sinh 9 số 2

TRƯỜNG THCS NGUYỄN NGHIÊM
ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT HK1 SINH 9
NĂM: 2018-2019

I. Phần Tự Luận (5 điểm)

Câu 1. (2,5 điểm)

- Trội không hoàn toàn khác với trội hoàn toàn ở điểm nào? Cho ví dụ.

Câu 2. (2,5 điểm)

- Kiểu hình là gì? Kiểu gen là gì? Cho ví dụ minh họa.

II. Phần Trắc Nghiệm (5 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Ở loài hoa, gen A quy định thân đỏ thẫm, gen a quy định thân xanh lục. Kết quả của một phép như sau:

P: Thân đỏ thẫm × Thân xanh lục
 F1: 105 thân đỏ thẫm : 99 thân xanh lục

- Kiểu gen của P trong phép lai trên là:

- A. P: AA × AA
- B. P: AA × Aa
- C. P: Aa × aa
- D. P: Aa × Aa

2. Hiện tượng biến dị là

- A. hiện tượng con sinh ra có những đặc điểm khác với bố mẹ.
- B. hiện tượng sinh vật biến đổi dần dưới ảnh hưởng của môi trường sống.
- C. hiện tượng thế hệ con xuất hiện những đặc điểm không có ở bố mẹ.
- D. hiện tượng con sinh ra mang những đặc điểm giống bố mẹ.

3. Nguyên nhân của hiện tượng trội không hoàn toàn là gì?

- A. Do tính trội át không hoàn toàn tính lặn.
- B. Do gen trội át không hoàn toàn gen lặn.
- C. Do gen trội không át gen lặn.
- D. Do gen trội át hoàn toàn gen lặn.

4. Muốn biết một cơ thể F1 là đồng hợp hay dị hợp người ta thường dùng phương pháp nào?

- A. Cho F1 lai phân tích.
- B. Cho F1 tự thụ phấn.
- C. Cho F1 giao phối với nhau.
- D. Cho F1 lai với một cơ thể đồng hợp trội.

Câu 2. (1 điểm)

Chọn cụm từ phù hợp trong số các cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau:

Phương pháp nghiên cứu di truyền của Mendel được gọi là phương pháp....(1).....Để kiểm tra kiểu gen của cơ thể mang tính trạng trội ta dùng.....(2)....

- A. lai phân tích.
- B. phân tích cơ thể lai.
- C. lai thuận nghịch.

Câu 3. (2 điểm)

Chọn câu đúng, câu sai trong các câu sau:

Câu	Đúng	Sai
1. Trong trường hợp trội không hoàn toàn thì tỉ lệ phân li kiểu hình		

- | | | |
|--|--|--|
| <p>ở F2 khi lai bố mẹ khác nhau 1 cặp tính trạng tương phản là 1 : 2 : 1.</p> <p>2. Tỷ lệ phân tính ở thế hệ lai là 3 trội : 1 lặn chỉ đúng khi số cá thể làm thí nghiệm lớn, tính trạng trội là trội hoàn toàn.</p> <p>3. Sự di truyền của mỗi cặp tính trạng không phụ thuộc vào các cặp tính trạng khác.</p> <p>4. Lai phân tích không sử dụng trong trường hợp trội không hoàn toàn.</p> | | |
|--|--|--|

ĐÁP ÁN

I. Phần Tự Luận (5 điểm)

Câu 1. (2,5 điểm)

- Điểm khác nhau giữa trội hoàn toàn và trội không hoàn toàn:

+ Trội hoàn toàn: Gen trội át hoàn toàn gen lặn nên gen lặn chỉ biểu hiện ở thái đồng hợp lặn.

+ Trội không hoàn toàn: Gen trội át không hoàn toàn gen lặn nên kiểu gen dị biểu hiện kiểu hình trung gian giữa bố và mẹ.

- Vì vậy, kết quả phân li kiểu hình ở thế hệ lai sẽ khác nhau.

Câu 2. (2,5 điểm)

- Kiểu hình là tổ hợp toàn bộ các tính trạng của cơ thể.

- Ví dụ: Cây cao, cây thấp, cây trung bình, hoa đỏ, hoa trắng, hoa hồng...

+ Thực tế, khi nói tới kiểu hình của một cơ thể, người ta chỉ xét tới một vài tính trạng đang được quan tâm.

- Kiểu gen là tổ hợp toàn bộ các gen trong cơ thể. Thực tế, khi nói tới kiểu gen của một cơ thể, người ta chỉ xét tới một vài cặp gen đang được quan tâm.

- Ví dụ: Kiểu gen AA quy định cây thân cao. Kiểu gen aa quy định cây thân thấp.

II. Phần trắc nghiệm (5 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

1	2	3	4
C	A	B	A

1. Đòi con tỷ lệ 1 : 1 → Kiểu gen của P trong phép lai trên là: Aa x aa.

- Chọn C.

2. Hiện tượng biến dị là hiện tượng con sinh ra có những đặc điểm khác với bố mẹ.

- Chọn A.

3. Nguyên nhân của hiện tượng trội không hoàn toàn là do gen trội át không hoàn toàn gen lặn.

- Chọn B.

4. Muốn biết một cơ thể F1 là đồng hợp hay dị hợp người ta thường dùng phương pháp cho F1 lai phân tích.

- Chọn A.

Câu 2. (1 điểm)

1	2
B	A

- Phương pháp nghiên cứu di truyền của Mendel được gọi là phương pháp phân tích cơ thể lai. Để kiểm tra kiểu gen của cơ thể mang tính trạng trội ta dùng lai phân tích.

Câu 3. (2 điểm)

1	2	3
Đ	Đ	S

3. Đề kiểm tra 45 phút HK1 Sinh 9 số 3

TRƯỜNG THCS LÊ LỢI
ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT HK1 SINH HỌC 9
NĂM HỌC: 2018-2019

I. Phần Tự Luận (5 điểm)

Câu 1. (2,5 điểm)

Quá trình tạo tinh trùng với quá trình tạo trứng có điểm gì khác nhau?

Câu 2. (2,5 điểm)

Cơ chế nào đảm bảo cho bộ NST thể của loài ổn định?

II. Phần Trắc Nghiệm (5 điểm)

Câu 1. (3 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Giảm phân khác nguyên phân ở điểm cơ bản nào?

A. Nguyên phân là hình thức sinh sản của tế bào sinh dưỡng, giảm phân là hình thức sinh sản của tế bào sinh dục xảy ra ở thời kì chín của tế bào này.

B. Ở nguyên phân có 1 lần phân chia và một lần nhân đôi NST, ở giảm phân, tế bào có hai lần phân chia nhưng có một lần nhân đôi.

C. Nguyên phân ít có sự tiếp hợp và trao đổi chéo giữa hai crômatit trong cặp NST kép tương đồng, còn giảm phân thì có.

D. Ở kì sau của nguyên phân có sự phân li đồng đều của các NST đơn về 2 cực của tế bào; ở kì sau của giảm phân 1 có sự phân li độc lập và tổ hợp tự do của các NST kép trong các cặp tương đồng.

2. Trong quá trình phân bào, sự tháo (duỗi) xoắn của NST có ý nghĩa gì?

A. Giúp cho chiều dài của NST tăng lên.

B. Giúp cho sự phân li và tổ hợp của NST trong quá trình phân bào thuận lợi hơn.

C. Giúp NST có thể thực hiện được quá trình nhân đôi.

D. Cả B và C.

3. NST ở trạng thái duỗi xoắn nhiều nhất ở

A. kì đầu của nguyên phân.

B. kì giữa của phân bào.

C. kì sau của phân bào.

D. kì cuối của giảm phân.

4. Ý nghĩa của di truyền liên kết là gì?

A. Di truyền liên kết được vận dụng để chọn những nhóm tính trạng tốt luôn di truyền với nhau.

B. Di truyền liên kết được vận dụng trong xây dựng luật Hôn nhân và gia đình.

C. Di truyền liên kết được sử dụng để xác định kiểu gen của các cơ thể đem lai.

D. Cả A và B.

5. Cho 2 thứ đậu thuần chủng hạt trơn, không có tua cuốn và hạt nhăn, có tua cuốn giao phấn với nhau được F1 toàn hạt trơn, có tua cuốn. Cho F1 tiếp tục giao phấn với nhau được F2 có tỉ lệ: 1 hạt trơn, không có tua cuốn : 2 hạt trơn, có tua cuốn : 1 hạt nhăn, có tua cuốn.

Kết quả này được giải thích như thế nào?

A. Từng cặp tính trạng đều phân li theo tỉ lệ 3 : 1

B. Hai cặp tính trạng di truyền liên kết

C. Hai cặp tính trạng di truyền độc lập với nhau

D. Di truyền theo quy luật Mendel

6. Hiện tượng mỗi gen quy định một tính trạng mà kết quả tạo nên một số tính trạng luôn di truyền cùng với nhau. Đó là hiện tượng di truyền

A. liên kết gen.

C. phân li độc lập.

- B. hoán vị gen.
D. liên kết với giới tính.

Câu 2. (2 điểm)

Chọn từ, cụm từ phù hợp trong số những từ và cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau:

Ở động vật, các tinh bào bậc 1 qua hai lần phân bào giảm phân tạo ra.....(1).....các tế bào con phát triển thành...(2)....Có hình dạng, kích thước....(3).... Các noãn bào bậc 1 qua hai lần phân bào giảm phân tạo ra 1 trứng và 3 thể cực có kích thước....(4)...

- A. khác nhau
B. các tinh trùng
C. giống nhau
D. 4 tế bào con

ĐÁP ÁN

I. Phần Tự Luận (5 điểm)

Câu 1. (2,5 điểm)

Tạo tinh trùng	Tạo trứng
<ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn sinh trưởng ngắn, lượng vật chất tích lũy ít, tế bào sinh tinh có kích thước bé - Một tế bào sinh tinh kết thúc giảm phân tạo ra 4 tinh trùng - Tinh trùng có kích thước bé, gồm 3 phần: Đầu, cổ, đuôi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn sinh trưởng dài, vật chất tích lũy nhiều, tế bào sinh trứng có kích thước lớn. - Một tế bào sinh trứng kết thúc giảm phân chỉ tạo được 1 tế bào trứng chín và 3 thể định hướng đều có bộ NST đơn bội - Trứng có kích thước lớn, có dạng hình cầu, lượng tế bào chất nhiều.

Câu 2. (2,5 điểm)

- Cơ chế đảm bảo cho bộ NST ổn định:

+ Ở các loài sinh sản hữu tính, bộ NST được duy trì ổn định từ thế hệ này thế hệ khác nhờ sự kết hợp 3 quá trình nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.

+ Ở các loài sinh sản sinh dưỡng, bộ NST của loài được duy trì bởi cơ chế nguyên phân mà thực chất là sự nhân đôi của NST, kết hợp với cơ chế phân chia đồng đều các crômatit trong từng NST kép đi về 2 cực của tế bào, đã tạo lại các tế bào con có bộ NST $2n$ ổn định.

II. Phần Trắc Nghiệm

Câu 2. (2 điểm)

1	2	3	4
D	B	C	A

4. Đề kiểm tra 45 phút HK1 Sinh 9 số 4

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN
ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT HK1 SINH 9
NĂM HỌC: 2018-2019

I. Phần Tự Luận (6 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

NST giới tính và NST thường có điểm gì khác nhau?

Câu 2. (4 điểm)

Hiện tượng phân li độc lập và liên kết gen khác nhau như thế nào?

II. Phần Trắc Nghiệm (4 điểm)

Câu 1. (2,5 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Đặc điểm quan trọng nhất của quá trình nguyên phân là gì?

- A. Sự phân chia đều chất nhân cho 2 tế bào con
- B. Sự phân chia đều chất tế bào cho 2 tế bào con
- C.** Sự phân li đồng đều của cặp NST về 2 tế bào con
- D. Sự sao chép bộ NST của tế bào mẹ sang 2 tế bào con

2. Trong giảm phân I, đặc điểm ở kì giữa là

- A. các NST kép co ngắn, đóng xoắn
- B.** các cặp NST kép tương đồng tập trung và xếp thành 2 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.
- C. các cặp NST kép tương đồng phân li độc lập với nhau về 2 cực của tế bào
- D. các NST kép nằm gọn trong 2 nhân mới được tạo thành với số lượng là bộ đơn bội.

3. Ở đa số các loài, giới tính được xác định ở thời điểm nào?

- A. Trước khi thụ tinh, do tinh trùng quyết định.
- B. Trước khi thụ tinh, do trứng quyết định.

C. Trong khi thụ tinh.

D. Sau khi thụ tinh do môi trường quyết định.

4. Từ một hợp tử phát triển thành một cơ thể hoàn chỉnh nhờ các quá trình

A. nguyên phân và phân hoá tế bào.

B. nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.

C. thụ tinh và phân hoá tế bào.

D. nguyên phân và sự phân hoá về chức năng của các tế bào.

5. Câu đúng về NST là?

A. NST chỉ có chức năng mang gen quy định các tính trạng di truyền.

B. sự tự nhân đôi của từng NST cùng với sự phân li trong quá trình phát sinh giao tử và tổ hợp trong thụ tinh của các cặp NST tương đồng là cơ chế di truyền các tính trạng.

C. NST là thành phần cấu tạo chủ yếu để hình thành tế bào.

D. NST không có khả năng tự nhân đôi.

Câu 2 (1,5 điểm)

Chọn từ, cụm từ phù hợp trong số những từ, cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau:

- Mỗi NST thường giữ vững cấu trúc riêng biệt của nó và duy trì liên tục qua các thế hệ tế bào. Tuy nhiên, hình thái của nó thay đổi theo chu kì tế bào: Từ....(1).....ở kì trung gian, chuyển sang bắt đầu....(2).....rồi đóng xoắn cực đại. Sau đó, NST lại....(3)... ở kì cuối.

A. duỗi

B. xoắn

D. đóng xoắn

C. dạng sợi mảnh

ĐÁP ÁN

I. Phần Tự Luận 6 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

Điểm khác nhau giữa NST thường và NST giới tính.

NST Thường	NST giới tính
- Mang gen quy định các tính trạng thường - NST thường gồm nhiều cặp NST, luôn	- Mang gen quy định các tính trạng liên quan và không liên quan đến giới tính.

<p>tồn tại thành từng cặp NST tương đồng. Giống nhau giữa giống đực và giống cái.</p> <p>- Ví dụ: Ở người có 46 chiếc NST thì có 23 cặp. Trong đó có 22 cặp NST thường. Kí hiệu là A (23A).</p>	<p>- Còn NST giới tính chỉ tồn tại có 1 cặp, đồng dạng ở giới đực hay giới cái tùy thuộc vào loài. Khác nhau giữa giống đực và giống cái.</p> <p>- Ví dụ: Ở người có 46 chiếc NST thì có 23 cặp. Trong đó có 1 cặp là cặp NST giới tính. Một giới kí hiệu là XX còn một giới còn lại là XY.</p>
---	---

Câu 2. (4 điểm)

Điểm khác nhau giữa hiện tượng phân li độc lập và liên kết gen:

Phân li độc lập	Liên kết gen
<p>- Là hiện tượng các sen trên các NST phân li độc lập nhau trong quá trình phân bào và được tổ hợp tự do trong quá trình thụ tinh.</p> <p>- Hiện tượng các gen luôn phân li độc lập với nhau vì các gen này nằm trên các cặp NST khác nhau.</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>+ Cho đậu F1 hạt vàng, trơn lai phân tích với đậu hạt xanh nhăn, kết quả thu được 4 kiểu hình với tỉ lệ bằng nhau là: Vàng, trơn : Vàng, nhăn : Xanh, trơn : Xanh, nhăn.</p> <p>+ Đời con thu được bốn kiểu hình, chứng tỏ F1 cho ra bốn loại giao tử.</p> <p>+ Sự phân li của cặp nhân tố di truyền Bb không phụ thuộc vào sự phân li của cặp Aa. Sự phân li độc lập của các cặp nhân tố di truyền Aa và Bb là cơ chế của sự di truyền độc lập các cặp tính trạng.</p>	<p>- Là hiện tượng các gen trên cùng mỗi NST phân li cùng nhau trong quá trình phân bào và cùng được tổ hợp trong quá trình thụ tinh. Các gen này hợp thành một nhóm gen liên kết, số nhóm gen liên kết ứng với số NST đơn có trong giao tử.</p> <p>- Hiện tượng các gen luôn phân li cùng nhau vì các gen này cùng nằm trên 1 NST.</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>+ Cho ruồi đực mình xám, cánh dài ở F1 lai với ruồi cái mình đen, cánh cụt (lai phân tích), kết quả lai chỉ cho ra hai loại kiểu hình là: Ruồi xám, cánh dài và ruồi đen, cánh cụt.</p> <p>+ Đời con chỉ thu được hai kiểu hình, chứng tỏ ruồi giấm đực chỉ cho ra hai loại giao tử.</p> <p>+ Trong quá trình giảm phân: Hai gen B và V luôn phân li cùng nhau: b và V cũng thế, hiện tượng này gọi là hiện tượng liên kết gen.</p>

II. Phân Trắc Nghiệm

Câu 2. (1,5 điểm)

1	2	3
C	B	A

- Mỗi NST thường giữ vững cấu trúc riêng biệt của nó và duy trì liên tục qua các thế hệ tế bào. Tuy nhiên, hình thái của nó thay đổi theo chu kì tế bào: từ dạng sợi mảnh ở kì trung gian, chuyển sang bắt đầu xoắn rồi đóng xoắn cực đại. Sau đó, NST lại duỗi ở kì cuối.

5. Đề kiểm tra 45 phút HK1 Sinh 9 số 5

TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT HK1 SINH 9

Năm học 2018 - 2019

Môn: Sinh học - Lớp 9

I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

Câu 1. Nhóm sinh vật nào sau đây toàn là động vật ưa khô?

- A. Thần lằn, lạc đà, ốc sên
- B. Éch, lạc đà, giun đất
- C. Ốc sên, éch, giun đất
- D.** Lạc đà, thần lằn, chuột nhảy

Câu 2. Đặc điểm chủ yếu của mối quan hệ đối địch ở sinh vật là:

- A. Một bên có lợi, bên kia không có hại cũng không có lợi.
- B. Một bên sinh vật có hại, còn bên kia có lợi.
- C. Cả 2 bên đều bị hại.
- D.** Câu B và C đúng.

Câu 3. Để tạo ưu thế lai ở vật nuôi, chủ yếu người ta dùng phép lai nào sau đây?

- A.** Lai kinh tế
- B. Lai khác dòng
- C. lai khác thứ
- D. Cả A, B và C.

Câu 4. Quan hệ giữa con mồi và sinh vật săn mồi là quan hệ

- A. hội sinh
- B.** đối địch
- C. Hỗ trợ
- D. Cộng sinh

Câu 5. Tập hợp những sinh vật nào sau đây được gọi là quần thể sinh vật?

- A.** Đàn trâu ăn cỏ trên một cách đồng
- B. Các cá thể ong, bướm ... trong rừng
- C. các cây hoa hồng, huệ, lan... trong công viên
- D. Các cá thể chuột sống ở 2 đồng lúa khác nhau.

Câu 6. Dây tơ hồng sống bám trên cây xanh là ví dụ về mối quan hệ:

- A. Cộng sinh
- B. Hội sinh
- C. Cạnh tranh
- D.** ký sinh

Câu 7. Sơ đồ chuỗi thức ăn đơn giản nào sau đây được viết đúng?

- A. Động vật đáy → lá cây bị phân giải → cá chép.
- B. Cá chép → lá cây bị phân giải → động vật đáy.
- C. Lá cây bị phân giải → cá chép → động vật đáy.
- D.** Lá cây bị phân giải → động vật đáy → cá chép.

Câu 8. Hải quỳ bám trên cua. Hải quỳ bảo vệ cua nhờ tế bào gai. Cua giúp hải quỳ di chuyển. Đó là ví dụ về mối quan hệ:

- A. ký sinh
- B.** Cộng sinh
- C. Hội sinh
- D. Hợp tác

II. Tự Luận (6 điểm)

Câu 1. Giả sử có các quần thể sinh vật sau: Lá cây, bò, châu chấu, chim, gà, hổ, cáo, vi sinh vật.

- a. Xây dựng các chuỗi thức ăn có thể có trong quần xã sinh vật trên.
- b. Nếu các loài sinh vật trên là một quần xã, hãy vẽ sơ đồ lưới thức ăn của quần xã sinh vật trên.

Câu 2. Hiện tượng thoái hóa do sự tự thụ phấn ở cây giao phấn và giao phối gần ở động vật được biểu hiện như thế nào? Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa?

ĐÁP ÁN

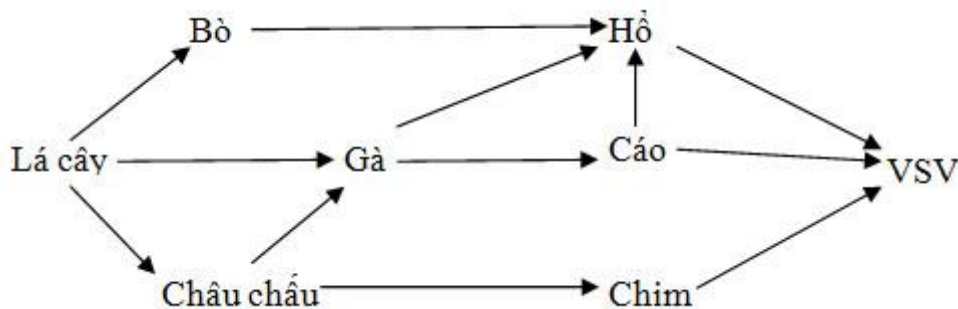
II. Tự Luận (6 điểm)

Câu 1. Giả sử có các quần thể sinh vật sau: Lá cây, bò, châu chấu, chim, gà, hổ, cáo, vi sinh vật.

a. Xây dựng các chuỗi thức ăn có thể có trong quần xã sinh vật trên.

1. Lá cây → bò → hổ → vi sinh vật
2. Lá cây → gà → hổ → vi sinh vật
3. Lá cây → gà → cáo → vi sinh vật
4. Lá cây → gà → cáo → hổ → vi sinh vật
5. Lá cây → châu chấu → chim → vi sinh vật
6. Lá cây → châu chấu → gà → cáo → vi sinh vật
7. Lá cây → châu chấu → gà → cáo → hổ → vi sinh vật
8. Lá cây → châu chấu → gà → hổ → vi sinh vật

b. Nếu các loài sinh vật trên là một quần xã, hãy vẽ sơ đồ lưới thức ăn của quần xã sinh vật trên.



Câu 2. hiện tượng thoái hóa do sự tự thụ phấn ở cây giao phấn và giao phối gần ở động vật được biểu hiện:

- Hiện tượng thoái hoá do tự thụ phấn bắt buộc ở cây giao phấn: Ở thế hệ kế tiếp có sức sống kém dần biểu hiện ở các dấu hiệu như phát triển chậm, chiều cao cây và năng suất giảm dần, nhiều cây bị chết.

- Hiện tượng thoái hoá do giao phối gần ở động vật: Ở các thế hệ sau, sinh trưởng và phát triển yếu, khả năng sinh sản giảm, quái thai, dị tật bẩm sinh, chết non...

- Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa:

+ Do tự thụ phấn hoặc giao phối gần, vì qua nhiều thế hệ tỉ lệ đồng hợp tăng dần, trong đó có các đồng hợp lặn, biểu hiện ra kiểu hình gây hại, thường các gen lặn qui định các tính trạng xấu

+ Kiểu gen đồng hợp không gây hại thì tự thụ phấn hay giao phối gần sẽ không thoái hoá.

6. Đề kiểm tra 45 phút HK1 Sinh 9 số 6

TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN
ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT HK1 SINH 9
NĂM HỌC: 2018-2019

I. Trắc Nghiệm (4 điểm)

Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

Câu 1. Một nhóm cá thể cùng loài sống trong một khu vực nhất định, vào cùng một thời điểm nhất định là:

- A.** Quần thể sinh vật
- B. Quần xã sinh vật
- C. Tổ sinh thái
- D. Hệ sinh thái

Câu 2. Mối quan hệ quan trọng đảm bảo tính gắn bó trong quần xã sinh vật là:

- A. Hợp tác.
- B. Cộng sinh.
- C.** Dinh dưỡng.
- D. Hội sinh.

Câu 3. Khả năng sinh sản của các cá thể quyết định mức sinh sản của quần thể. Đây là ý nghĩa sinh thái của nhóm tuổi nào?

- A. Nhóm tuổi trước sinh sản.
- B.** Nhóm tuổi sinh sản.
- C. Nhóm tuổi sau sinh sản.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 4. Ưu thế lai là hiện tượng con lai F1:

- A. Sinh trưởng nhanh, phát triển mạnh.
- B. Có sức sống cao.
- C. Chống chịu tốt, năng suất cao.
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 5. Quan hệ giữa các sinh vật trong các ví dụ sau, đâu là quan hệ cộng sinh?

- A. Sâu bọ sống trong tổ kiến, tổ mối.
- B.** Vi khuẩn sống trong nốt sần rễ cây họ đậu.

- C. Cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá được đưa đi xa.
D. Nhạn biển và cò làm tổ cùng nhau.

Câu 6. Quan hệ cạnh tranh cùng loài sẽ ...

- A. Dẫn tới hiện tượng tách các cá thể khỏi nhóm, bầy đàn, quần thể.
B. Có thể dẫn tới tuyệt chủng.
C. Là nguyên nhân tiến hoá của sinh giới.
D. Làm biến đổi tập tính, hình thái.

Câu 7. Nhân tố sinh thái bao gồm:

- A. Khí hậu, nhiệt độ, ánh sáng, động vật.
B. Nước, con người, động vật, thực vật.
C. Nhân tố vô sinh, nhân tố hữu sinh.
D. Vi khuẩn, đất, ánh sáng và rừng cây.

Câu 8. Tập hợp những cá thể sinh vật nào sau đây được gọi là quần xã sinh vật?

- A. Các cá thể cá chép ở trong hồ nước.
B. Các cây lúa trong một ruộng lúa.
C. Các cá thể voi, hổ, báo, khỉ ở trong rừng.
D. Cả 3 câu trên.

II. Tự Luận (6 điểm)

Câu 1. giả sử có các quần thể sinh vật sau: Cỏ, thỏ, dê, chim ăn sâu, sâu hại thực vật, hổ, vi sinh vật, mèo rừng.

- a. Xây dựng các chuỗi thức ăn có thể có trong quần xã sinh vật trên.
b. Nếu các loài sinh vật trên là một quần xã, hãy vẽ sơ đồ lưới thức ăn của quần xã sinh vật trên.

Câu 2. Trình bày khái niệm, ưu điểm và nhược điểm của phương pháp chọn lọc cá thể và chọn lọc hàng loạt.

ĐÁP ÁN

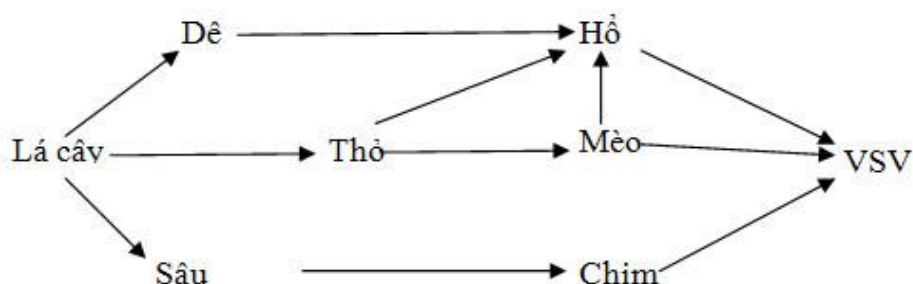
II. Tự Luận (6 điểm)

Câu 1. Giả sử có các quần thể sinh vật sau: Cỏ, thỏ, dê, chim ăn sâu, sâu hại thực vật, hổ, vi sinh vật, mèo rừng.

- a. Xây dựng các chuỗi thức ăn có thể có trong quần xã sinh vật trên.

1. Cỏ → thỏ → hổ → vi sinh vật

2. Cỏ → dê → hổ → vi sinh vật
 3. Cỏ → thỏ → mèo rừng → hổ → vi sinh vật
 4. Cỏ → sâu hại thực vật → chim ăn sâu → vi sinh vật
 5. Cỏ → thỏ → mèo rừng → vi sinh vật
- b. Vẽ sơ đồ lưới thức ăn của quần xã sinh vật trên.



Câu 2. Trình bày khái niệm, ưu điểm và nhược điểm của phương pháp chọn lọc cá thể và chọn lọc hàng loạt.

	Chọn lọc cá thể	Chọn lọc hàng loạt
Khái niệm	Chọn lọc cá thể là chọn lấy một số ít cá thể tốt, nhân lên một cách riêng rẽ theo từng dòng	Chọn lọc hàng loạt là dựa trên kiểu hình chọn ra một nhóm cá thể phù hợp nhất với mục tiêu chọn lọc để làm giống.
Ưu điểm	Có thể kiểm tra được kiểu gen của mỗi cá thể nên nhanh đạt hiệu quả.	Đơn giản, dễ làm, ít tốn kém
Nhược điểm	Theo dõi công phu, khó áp dụng rộng rãi	Không kiểm tra được kiểu gen. Không cũng cố tích lũy được biến dị. Chỉ dựa vào kiểu hình nên dễ nhầm với thường biến.

7. Đề kiểm tra 45 phút HK1 Sinh 9 số 7

TRƯỜNG THCS XUÂN NGỌC
ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT HK1 SINH 9
NĂM HỌC 2018 – 2019

I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

Câu 1. Giun đũa sống trong ruột người là ví dụ về mối quan hệ:

- A. Cộng sinh.
- B. Hội sinh.
- C. Cạnh tranh.
- D.** Ký sinh.

Câu 2. Tập hợp những cá thể sinh vật nào sau đây được gọi là quần thể sinh vật?

- A. Các cá thể cá chép ở hai hồ nước khác nhau.
- B.** Các cây lúa trong một ruộng lúa.
- C. Tập hợp các cá thể cá chép, cá mè, cá rô... trong một hồ nước.
- D. Các cá thể hổ, báo, sư tử, chim... trong rừng.

Câu 3. Trong phép laingười ta cho giao phối giữa cặp vật nuôi bố mẹ thuộc hai dòng thuần khác nhau, rồi dùng con lai F1 làm sản phẩm, không dùng nó làm giống.

- A. Lai khác dòng
- B. Lai khác thứ
- C.** Lai kinh tế.
- D. Ưu thế lai.

Câu 4. Ánh sáng có vai trò quan trọng nhất đối với bộ phận nào của cây?

- A. Thân
- B.** Lá
- C. Cành
- D. Hoa, quả

Câu 5. Ở quần thể người, quy định dưới nhóm tuổi sinh sản là:

- A. Từ 15 - 30 tuổi
- B.** từ sơ sinh đến 14 tuổi
- C. Từ 30 - 64 tuổi
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 6. Động vật sống thành đàn có lợi gì cho chúng?

- A. Giảm được tỉ lệ sinh sản cho đàn.
- B. Tăng khả năng chống chịu nhiệt độ.
- C.** Tìm kiếm nhiều thức ăn, phát hiện kẻ thù sớm và tự vệ tốt hơn.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 7. Giới hạn nhiệt độ cá rô phi việt nam là:

A. Từ 5°C - 40°C

B. Từ 5°C - 39°C

C. Từ 5°C - 42°C

D. Từ 5°C - 45°C

Câu 8. Cá ép bám vào rùa biển để được đi xa là mối quan hệ gì?

A. Cộng sinh.

B. Hội sinh.

C. Cạnh tranh.

D. Ký sinh.

II. Tự Luận (6 điểm)

Câu 1. Ưu thế lai là gì? Cho biết cơ sở di truyền của hiện tượng ưu thế lai? Tại sao không dùng con lai F1 để nhân giống?

Câu 2. Giả sử có các quần thể sinh vật sau: Lá cây, sâu, bọ ngựa, chuột, rắn, ví sinh vật, dê, hổ, cây, đại bàng.

a. Xây dựng 10 chuỗi thức ăn có thể có trong quần xã sinh vật trên.

b. Nếu các loài sinh vật trên là một quần xã, hãy vẽ sơ đồ lưới thức ăn của quần xã sinh vật trên.

ĐÁP ÁN

II. Tự luận (6 điểm)

Câu 1.

- Ưu thế lai là hiện tượng con lai F1 có sức sống cao hơn, sinh trưởng nhanh, phát triển mạnh, chống chịu tốt, các tính trạng hình thái và năng suất cao hơn trung bình giữa hai bố mẹ hoặc vượt trội cả hai bố mẹ.

P: $AbbCC \times aaBBcc$

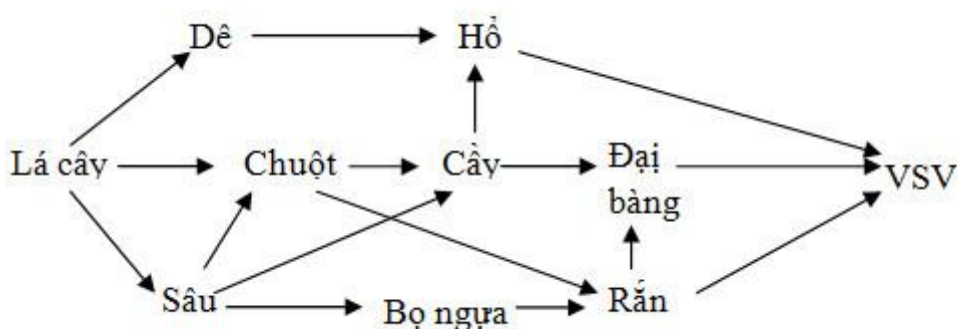
F1: $AaBbCc$

- Không dùng con lai F1 để nhân giống vì: Ưu thế lai chỉ biểu hiện cao nhất ở đời F1, sau đó giảm dần qua các thế hệ ở các đời sau (hay nói cách khác, trong các thế hệ sau, tỉ lệ dị hợp giảm dần nên ưu thế lai cũng giảm dần).

Câu 2.

a. 10 chuỗi thức ăn có trong quần xã:

1. Lá cây → dê → hổ → vi sinh vật
 2. Lá cây → chuột → cây → đại bàng → vi sinh vật
 3. Lá cây → chuột → rắn → vi sinh vật.
 4. Lá cây → chuột → cây → hổ vi sinh vật
 5. Lá cây → sâu → bọ ngựa → rắn → vi sinh vật.
 6. Lá cây → sâu → chuột → cây → đại bàng → vi sinh vật
 7. Lá cây → sâu → chuột → rắn → vi sinh vật
 8. Lá cây → sâu → chuột → cây hổ → vi sinh vật
 9. Lá cây → sâu → cây → đại bàng → vi sinh vật
 10. Lá cây → sâu → cây → hổ vi sinh vật
- b. vẽ sơ đồ lưới thức ăn của quần xã sinh vật trên.



8. Đề kiểm tra 45 phút HK1 Sinh 9 số 8

TRƯỜNG THCS VÕ NGUYỄN GIÁP

ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT HK1 SINH 9

Năm học 2018 - 2019

Môn: Sinh học - Lớp 9

I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

Câu 1. Bậc dinh dưỡng của sinh vật sản xuất gọi là bậc dinh dưỡng cấp mấy?

- A.** Cấp 1
- B. Cấp 2
- C. Cấp 3
- D. Không có cấp.

Câu 2. Tập hợp những cá thể, sinh vật nào sau đây được gọi là quần xã sinh vật?

- A.** Tập hợp các cá thể cá chép, cá mè, cá trê... trong một hồ nước tự nhiên.
- B. Các cây lúa trong một ruộng lúa.
- C. Rừng cây thông.
- D. Đàn bò ăn cỏ trên cánh đồng.

Câu 3. Cho chuỗi thức ăn sau:→ chuột → rắn. Cá thể nào sau đây điền vào chỗ trống (....) là phù hợp?

- A. Mèo
- B.** Sâu bọ
- C. Hổ
- D. Cá sấu

Câu 4. Để tạo ưu thế lai ở thực vật, chủ yếu người ta dùng phương pháp nào?

- A. Lai khác dòng
- B. Lai khác thứ
- C. Lai kinh tế
- D. Câu B và C.

Câu 5. Địa y sống bám trên cành cây là mối quan hệ:

- A. Cộng sinh
- B.** Hội sinh
- C. Cạnh tranh
- D. Ký sinh.

Câu 6. Nhóm nhân tố nào sau đây đúng là nhóm nhân tố sống?

- A. Nước biển, cá, tôm, thực vật thủy sinh.
- B.** Động vật, thực vật, vi sinh vật, nấm.
- C. Thực vật, động vật, không khí và vi sinh vật.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 7. Quan hệ giữa hai loài sinh vật mà một bên có lợi, còn bên kia không có lợi cũng không có hại là quan hệ gì?

- A. Quan hệ cộng sinh
- B.** Quan hệ Hội sinh

C. Quan hệ cạnh tranh

D. Quan hệ ký sinh.

Câu 8. Hãy chỉ ra loại cây nào sau đây có đời sống ký sinh trên cây khác?

A. Cây phong lan

B. cây mỏng tơ

C. Cây bàng

D. Cây tơ hồng

II. Tự Luận (6 điểm)

Câu 1. Nêu đặc điểm của các mối quan hệ khác loài và cho ví dụ.

Câu 2. Loài vi khuẩn suối nước nóng có giới hạn nhiệt độ từ 0°C đến + 90°C, trong đó điểm cực thuận là + 55°C.

a. Hãy vẽ sơ đồ mô tả giới hạn sinh thái của loài vi khuẩn trên.

b. Hãy nêu khái niệm giới hạn sinh thái.

ĐÁP ÁN

II. Tự Luận (6 điểm)

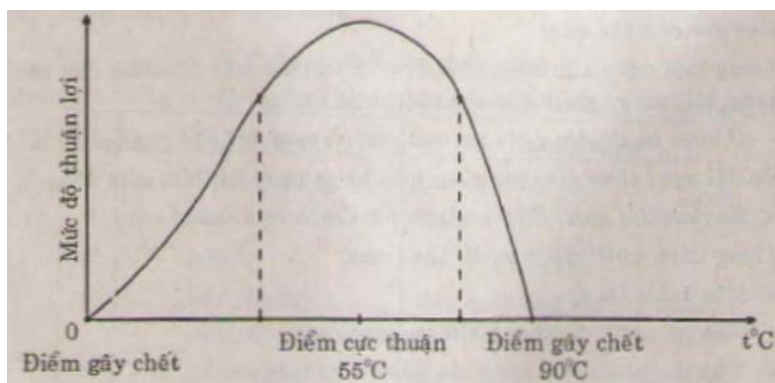
Câu 1. Đặc điểm của các mối quan hệ khác loài và cho ví dụ

Quan hệ		Đặc điểm	Ví dụ
Hỗ trợ	Cộng sinh	Sự hợp tác cùng có lợi giữa các loài sinh vật	Hải quỳ cộng sinh với cửa.
	Hội sinh	Sự hợp tác giữa hai loài sinh vật, trong đó một bên có lợi còn bên kia không có lợi cũng không có hại	Sâu bọ sống nhờ trên tổ kiến, tổ mối
Đối địch	Cạnh tranh	Cạnh tranh các sinh vật khác loài tranh giành nhau thức ăn, nơi ở và các điều kiện sống khác của môi trường Các loài kìm hãm sự phát triển của nhau	Trâu và bò cùng sống trên một đồng cỏ.
	Ký sinh – nửa ký sinh	Sinh vật sống nhờ trên cơ thể của sinh vật khác, lấy các chất dinh dưỡng, máu... Từ sinh vật đó..	Ve, bét kí sinh trên da trâu bò
	Sinh vật này ăn sinh vật khác	- Gồm các trường hợp: + Động vật ăn thực vật. + Động vật ăn thịt con mồi.	- Hổ, báo và hươu, nai. - Trâu, bò ăn cỏ. - Cây nắp ấm bắt côn

	+ Thực vật bất sâu bọ	trùng.
--	-----------------------	--------

Câu 2 . Loài vi khuẩn suối nước nóng có giới hạn nhiệt độ từ 0°C đến + 90°C, trong đó điểm cực thuận là + 55°C.

a. Hãy vẽ sơ đồ mô tả giới hạn sinh thái của loài vi khuẩn trên.



b. Khái niệm giới hạn sinh thái: Là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định.

9. Đề kiểm tra 45 phút HK1 Sinh 9 số 9

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ ĐỊNH ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT HK1 SINH 9 Năm học 2018 - 2019 Môn: Sinh học - Lớp 9

I. Phần Tự Luận (5 điểm)

Câu 1. (2,5 điểm)

Chọn lọc hàng loạt một lần và hai lần giống và khác nhau như thế nào?

Câu 2. (2,5 điểm)

Tại sao khi lai 2 dòng thuần, ưu thế lai biểu hiện rõ nhất?

II. Phần Trắc Nghiệm (5 điểm)

Câu 1. (3 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất.

1. Công nghệ sinh học là gì?

A. Ngành công nghệ sử dụng tế bào sống và các quá trình sinh học để tạo ra các sản phẩm sinh học cần thiết cho con người.

- B. Ngành công nghệ sinh học có sử dụng kĩ thuật gen.
- C. Ngành công nghệ sinh học có sử dụng kĩ thuật nuôi cấy mô và tế bào.
- D. Ngành công nghệ sinh học mũi nhọn, hưởng ưu tiên được đầu tư và phát triển trong thế kỉ XXI.
2. Vì sao từ F_2 trở đi ưu thế lai giảm dần?
- A. Xuất hiện nhiều kiểu gen đồng hợp trội.
- B.** Tỷ lệ dị hợp giảm, tỷ lệ đồng hợp lặn có hại tăng.
- C. Xuất hiện cả đồng hợp lẫn dị hợp.
- D. Tỷ lệ đồng hợp giảm, tỷ lệ dị hợp tăng.
3. Chọn giống vật nuôi khác chọn giống cây trồng ở điểm căn bản nào?
- A. Ở khâu tạo nguồn biến dị: Người ta không gây đột biến cho động vật bậc cao cũng như không lai hữu tính đối với vi sinh vật.
- B. Ở khâu chọn lọc: Đối với vật nuôi, người ta phải chọn lọc một tập hợp nhiều tính trạng, không chọn lọc từng tính trạng riêng rẽ như đối với cây trồng.
- C. Trong chọn giống vật nuôi, vai trò của con cái giống rất quan trọng.
- D.** Cả A và B.
4. Kĩ thuật gen là gì?
- A.** Kĩ thuật thao tác trên vật liệu di truyền là axit nucleic.
- B. Kĩ thuật chuyển một đoạn ADN từ tế bào cho sang tế bào nhận qua một thể truyền (ADN của vi khuẩn hoặc virus).
- C. Kĩ thuật tạo ADN tái tổ hợp.
- D. Kĩ thuật tạo gen lai.
5. Kĩ thuật gen được ứng dụng như thế nào?
- A. Tạo ra các chủng vi sinh vật mới
- B. Tạo giống cây trồng biến đổi gen
- C. Tạo giống động vật biến đổi gen
- D.** Cả A, B và C
6. “Sự tập trung các gen trội có lợi ở cơ thể lai F_1 là.....di truyền của hiện tượng ưu thế lai ở đời F_1 ”.
- A. động lực
- B. động cơ

C. nguyên nhân

D. cơ sở

Câu 2. (2 điểm)

Chọn từ, cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau:

Các tia phóng xạ có khả năng gây đột biến là vì khi xuyên qua các mô, các tia phóng xạ....(1)....của tế bào, gây....(2)....Khi xuyên qua các mô, các tia phóng xạ.....(3)...gây....(4).....

A. đột biến gen

B. làm chấn thương NST

C. tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên ADN

D. đột biến NST

ĐÁP ÁN

I. Phần TỰ Luận (5 điểm)

Câu 1. (2,5 điểm)

- Giống nhau:

+ Chọn cây ưu tú, trộn lẫn các hạt dùng làm giống cho vụ sau.

+ Đơn giản, dễ làm, ít tốn kém.

+ Chỉ đánh giá dựa trên kiểu hình nên dễ bị nhầm với thường biến.

- Khác nhau:

	Chọn lọc hàng loạt một lần	Chọn lọc hàng loạt hai lần
Khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh giống chọn lọc hàng loạt với giống đối chứng. - Nếu kết quả cao hơn giống khởi đầu và giống đối chứng thì không cần chọn lọc lần hai nữa. 	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh giống chọn lọc hàng loạt với giống khởi đầu và giống đối chứng. - Trên ruộng giống năm hai, gieo trồng giống đã chọn lọc hàng loạt của lần một chọn cây ưu tú.

Câu 2. (2,5 điểm)

- Các tính trạng số lượng (các chỉ tiêu về hình thái và năng suất...) do nhiều gen quy định. Ở cơ thể bố mẹ thuần chủng, nhiều gen lặn ở trạng thái đồng hợp hiện một số đặc điểm xấu. Khi lai giữa chúng với nhau, chỉ có các gen trội có lợi mới được biểu hiện ở cơ thể lai F₁

- Ví dụ: Một dòng thuần chủng mang 2 gen trội lai với một dòng thuần mang 1 gen trội sẽ cho cơ thể lai F₁ mang 3 gen trội có lợi.

- P: AabbCC × aaBBcc → F₁: AaBbCc

II. Phần Trắc Nghiệm**Câu 2. (2 điểm)**

1	2	3	4
B	D	C	A

10. Đề kiểm tra 45 phút HK1 Sinh 9 số 10**TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ MINH KHAI****ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT HK1 SINH 9****Năm học 2018 - 2019****Môn: Sinh học - Lớp 9****I. Phần Tự Luận (5 điểm)****Câu 1 (2,5 điểm)**

Khắc phục thoái hoá giống bằng cách nào?

Câu 2 (2,5 điểm)

Vai trò của dòng thuần trong nghiên cứu di truyền và trong chọn giống là gì?

II. Phần Trắc Nghiệm (5 điểm)**Câu 1 (3 điểm)**

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Trong chọn giống vật nuôi, phương pháp chọn lọc nào sau đây có hiệu quả hơn?

- A.** Chọn lọc cá thể, kiểm tra đực giống qua đời con
- B. Chọn lọc hàng loạt một lần
- C. Chọn lọc hàng loạt nhiều lần
- D. Cả A và B

2. Người ta thường sử dụng hoá chất để gây đột biến bằng cách nào?

- A. Ngâm hạt khô hay hạt nảy mầm ở thời điểm nhất định trong dung dịch hoá chất có nồng độ thích hợp
- B. Tiêm dung dịch hoá chất vào bầu nhụy hoặc quán bông có tẩm dung dịch hoá chất vào đỉnh sinh trưởng của thân hoặc chồi
- C. Các hoá chất tác động lên tinh hoàn hoặc buồng trứng của vật

D. Cả A, B và C

3. Ý nào không phải là đặc điểm của phương pháp chọn lọc cá thể?

A. Có thể áp dụng rộng rãi.

B. Phối hợp được việc chọn lọc dựa trên kiểu hình với việc kiểm tra kiểu gen

C. Đạt kết quả nhanh.

D. Đòi hỏi theo dõi công phu và chặt chẽ.

4. Có nhiều giống tốt qua một số vụ gieo trồng đã có biểu hiện thoái hoá rõ rệt do

A. sự xuất hiện đột biến nhân tạo và lai giống nhân tạo, do lẫn cơ giới trong gieo trồng, thu hoạch và bảo quản.

B. sự xuất hiện đột biến và lai giống nhân tạo, do lẫn cơ giới trong gieo trồng, thu hoạch và bảo quản.

C. sự xuất hiện đột biến và lai giống tự nhiên, do lẫn cơ giới trong gieo trồng, thu hoạch và bảo quản.

D. sự xuất hiện đột biến nhân tạo và lai giống tự nhiên, do lẫn cơ giới trong gieo trồng, thu hoạch và bảo quản.

5. Chọn lọc cá thể đối với vật nuôi, người ta thường kiểm tra

A. đực giống ngoại.

B. đực giống qua đời con.

C. cái nội có phẩm chất tốt.

D. cái nhập nội.

6. Việc phục hồi lại các giống đã thoái hoá, đánh giá chọn lọc đối với các dạng mới tạo ra để tạo ra giống mới hoặc cải tiến giống cũ. Đó là vai trò của chọn lọc trong

A. chọn giống.

B. tạo giống.

C. nhân giống.

D. giữ giống.

Câu 2 (1 điểm)

Chọn cụm từ phù hợp trong số những từ, cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau:

Dùng consixin tác động vào cây trồng, có thể gây ra loại biến dị...(1)....Có thể dung hợp hai tế bào trần của hai loài khác nhau để tạo ra tế bào lai chứa cả hai....(2)....của hai loài.

bộ NST đơn bội.

C. đột biến đa bội.

bộ NST lưỡng bội.

D. đột biến cấu trúc NST.

Câu 3 (1 điểm)

Hãy sắp xếp thông tin ở cột A với cột B sao cho phù hợp và ghi kết quả vào cột c.

Các phương pháp chọn lọc hàng Loạt (A)	Cách tiến hành và ưu nhược điểm (B)	Kết quả (C)
1. Chọn lọc hàng loạt 1 lần	Trộn lẫn hạt ưu tú làm giống cho vụ sau Năm thứ nhất chọn cây ưu tú Chọn lọc hàng loạt 2 lần cũng thực hiện như 1 lần, nhưng trên ruộng chọn giống năm II, gieo trồng giống “chọn lọc hàng loạt” để chọn cây ưu tú	1...
2. Chọn lọc hàng loạt 2 lần	Ưu điểm là đơn giản, dễ làm, ít tốn kém, nên có thể áp dụng rộng rãi Nếu giống “chọn lọc hàng loạt” hơn giống khởi đầu hoặc hơn giống đối chứng thì không cần chọn lọc 2 lần. Nhược điểm là chỉ dựa vào kiểu hình, nên dễ nhầm với thường biến	2...

ĐÁP ÁN

I. Phần tự luận (5 điểm)

Câu 1 (2,5 điểm)

Các biện pháp khắc phục hiện tượng thoái hoá giống:

- Thường xuyên chọn lọc giống để loại bỏ các dạng bất lợi nhằm đảm bảo h đồng đều của giống.
- Tạo các điều kiện khống chế sự biểu hiện kiểu hình của các gen đột biến.
- Lai xa họ hàng nguồn gốc để đưa các gen lặn đột biến vào trạng thái dị hợp, hạn chế sự biểu hiện kiểu hình gây hại của chúng.
- Dùng đột biến nhân tạo để biến đổi các gen biểu hiện các tính trạng không mong muốn thành các gen biểu hiện tính trạng mong muốn.

Câu 2 (2,5 điểm)

- Trong nghiên cứu di truyền: Sử dụng dòng thuần chủng để phân tích kiểu gen, xác định dòng thuần chủng của các tính trạng trội. Trên cơ sở đó, xác định được quy luật phân bố kiểu gen là cơ sở cho khả năng biểu hiện kiểu hình theo một tỉ lệ phân li nhất định.

- Trong chọn giống: Làm nguyên liệu cho tạo ưu thế lai và lai tạo giống mới, phát hiện dị tật của giống, so sánh, đánh giá hiệu quả của các giống, tìm ra giống tốt nhất. Dòng thuần đồng hợp tử lặn được sử dụng trong lai phân tích để xác định độ thuần chủng của giống trước khi đưa vào sản xuất.

II. Phần Trắc Nghiệm**Câu 2 (1 điểm)**

1	2
C	B

Câu 3 (1 điểm)

1	2
A, B, D, E, G	A, B, C, D, G